

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MỸ THO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 135 /2018/HNGĐ-ST

Ngày: 26 /7/2018

V/v Tranh chấp:

“Xin ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Ngọc Hoa**.*

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

+ Bà **Nguyễn Thị Vinh Quang**.

+ Bà **Phạm Thị Ngọc Triều**.

*Thư ký phiên tòa bà **Nguyễn Thị Huyền Ni** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Ngọc Thúc** - kiểm sát viên.*

Ngày 26 tháng 7 năm 2018, tại Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình đã thụ lý số: 357/2018/TLST-HNGĐ ngày 31/5/2018 về việc tranh chấp “Xin ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2018/QĐXX-ST ngày 10/7/2018 giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn: **Phan Thị Hồng N**, sinh năm: 1971 (có mặt)*

Địa chỉ: Ấp T, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2/ *Bị đơn: **Nguyễn Văn M**, sinh năm: 1968 (có mặt).*

Địa chỉ: Ấp T, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án bà Phan Thị Hồng N trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn M tự quen biết tìm hiểu, tổ chức đám cưới và chung sống với nhau năm 1990, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào năm 2002. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2000, thì phát sinh mâu thuẫn do ông M nghi ngờ bà có quan hệ với người khác, đánh đập bà nhiều lần, có ly thân một thời gian, sau đó hàn gắn chung sống. Đến năm 2008 lại phát sinh mâu thuẫn do tiền bạc và ông M thường xuyên đánh đập bà, có tát nước sôi bà. Bà và ông M ly thân khoảng 10 năm nay nhưng còn ở chung nhà, bà về nhà mẹ ruột tháng 4/2018. Nay, bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn M.

- Về con chung: Có 03 con chung là Nguyễn Minh T sinh năm 1991, Nguyễn Minh T1 sinh năm 1998 (đã trưởng thành), Nguyễn Thị Hồng T2 sinh ngày 24/12/2008, hiện nay bà đang nuôi cháu T2, khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T2, yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi cháu T2 1.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung: Có nhưng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn M trình bày:

Ông và bà N tự quen biết tìm hiểu, tổ chức đám cưới và chung sống với nhau năm 1990, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào năm 2002. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2000, thì phát sinh mâu thuẫn do bà N có quan hệ với người đàn ông khác, ông tha thứ vợ chồng đoàn tụ lại sống hạnh phúc, ông có đánh bà N 01 lần, có ly thân một thời gian, sau đó hàn gắn, đến năm 2008 thì ly thân, mạnh ai nấy làm, không ai quan tâm ai nhưng còn ở chung nhà, bà N bỏ về nhà mẹ ruột từ tháng 4/2018. Nay, ông không đồng ý ly hôn với bà N.

- Về con chung: Có 03 con chung là Nguyễn Minh T sinh năm 1991, Nguyễn Minh T1 sinh năm 1998 (đã trưởng thành), Nguyễn Thị Hồng T2 sinh ngày 24/12/2008, hiện nay bà N đang nuôi cháu T2, khi ly hôn ông yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T2, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Có, tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán tuân thủ đúng quy định của pháp luật như tiến hành xác minh, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng pháp luật. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tại phiên tòa tuân thủ đúng quy định pháp luật, các đương sự tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa tuân thủ đúng qui định pháp luật.

Về nội dung: Tóm tắt và nhận định nội dung vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn của bà Phan Thị Hồng N và ông Nguyễn Văn M; Con chung Có 03 con chung là Nguyễn Minh T sinh năm 1991, Nguyễn Minh T1 sinh năm 1998 (đã trưởng thành), Nguyễn Thị Hồng T2 sinh ngày 24/12/2008, giao bà N nuôi cháu T2, buộc ông N cấp dưỡng nuôi cháu Trang mỗi tháng 1.000.000 đồng; tài sản chung có tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung không có. Đình chỉ một phần bà N yêu cầu tình công sức đóng góp vào nhà cửa, vườn tược.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp giữa bà Phan Thị Hồng N và ông Nguyễn Văn M là tranh chấp “Xin ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

[2] Tại phiên tòa bà Phan Thị Hồng N yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn M; con chung Có 03 con chung là Nguyễn Minh T sinh năm 1991, Nguyễn Minh T1 sinh năm 1998 (đã trưởng thành), Nguyễn Thị Hồng T2 sinh ngày 24/12/2008, khi ly hôn bà yêu cầu nuôi cháu T2, yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi cháu T2 mỗi tháng 1.000.000 đồng; tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung không có. Xin rút một phần yêu cầu tính công sức đóng góp vào nhà cửa, vườn tược số tiền 100.000.000 đồng.

[3] Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn M đồng ý ly hôn với bà N; con chung có 03 con chung là Nguyễn Minh T sinh năm 1991, Nguyễn Minh T1 sinh năm 1998 (đã trưởng thành), Nguyễn Thị Hồng T2 sinh ngày 24/12/2008. Khi ly hôn ông yêu

cầu trực tiếp cháu Trang; tài sản chung có tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung không có.

Xét các yêu cầu của các đương sự:

[1] Về hôn nhân: Bà Phan Thị Hồng N và ông Nguyễn Văn M chung sống với nhau năm 1999, có đăng ký kết hôn năm 2002 tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2000, thì phát sinh nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống về tiền bạc, ông M khó khăn gia trưởng, bà N có quan hệ với bạn trai khác, ông M đánh bà N, từ đó vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2008 cho đến nay. Nay bà N yêu cầu ly hôn với ông M, ông M đồng ý ly hôn. Xét thấy bà N và ông M chung sống với nhau năm 1999 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang năm 2002, ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2000, thì phát sinh mâu thuẫn do trong cuộc sống về tiền bạc, ông M khó khăn, gia trưởng, bà N có quan hệ với bạn trai khác, ông M đánh bà N, từ đó ông bà thường xuyên cự cãi nhau, ông bà vẫn sống chung trong nhà nhưng ai nấy làm không ai quan tâm ai. Đến đầu tháng 5 năm 2018 bà N về nhà cha mẹ ruột sống, từ đó đến nay ông M không đến, nhưng Tại phiên tòa bà N xin ly hôn ông N đồng ý, do đó sự thuận tình ly hôn của ông bà là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2] Về con chung: có 03 con chung là Nguyễn Minh T sinh năm 1991, Nguyễn Minh T1 sinh năm 1998 (đã trưởng thành), Nguyễn Thị Hồng T2 sinh ngày 24/12/2008, Khi ly hôn bà N, ông M đều yêu cầu trực tiếp nuôi cháu T2, bà N yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Xét thấy cháu T2 từ nhỏ sống chung ông bà, nhưng từ ngày ông bà sống ly thân, bà N là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục lo cho cháu T2 chu đáo, cũng như nguyện vọng của cháu Trang thì muốn sống với mẹ. Do đó bà N yêu cầu trực tiếp nuôi cháu Trang là phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của cháu T2 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N yêu cầu trực tiếp nuôi cháu T2.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa bà N trực tiếp nuôi cháu T2, bà N yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Xét thấy bà N là người trực tiếp nuôi cháu T2 hàng ngày, bà N phải chi phí cho cháu T2 ăn, mặc, học và các khoản chi phí khác, ông M không trực tiếp nuôi cháu Trang thì ông N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T2. Do đó yêu cầu của bà N yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi cháu T2 mỗi tháng 1.000.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét chấp nhận yêu cầu của bà N yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi cháu mỗi tháng 1.000.000 đồng. Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

[4] Theo đơn khởi kiện ngày 22/5/2018 bà Phan Thị Hồng N yêu cầu ông Nguyễn Văn M hoàn trả cho bà 100.000.000 đồng tiền công sức tu bổ nhà cửa, vườn tược. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2018 bà N có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện không yêu cầu Tòa án giải quyết về công sức đóng góp của bà đối với tài sản chung cũng như tại phiên tòa. Xét thấy bà N thay đổi yêu cầu khởi kiện không yêu cầu Tòa án giải quyết công sức đóng góp của bà đối với tài chung là sự tự nguyện của bà không bị ép buộc là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà N về công sức đóng góp của bà đối với tài sản chung. Nếu có phát sinh thì khởi kiện vụ kiện khác.

[5] Về tài sản chung: Có tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không có, không đặt ra giải quyết.

[7] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Về án phí HNGĐST: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp và quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án bà Phan Thị Hồng Nhung phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 217; Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 55; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Hồng N.

Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa Bà Phan Thị Hồng N ông Nguyễn Văn M.

Về con chung: Giao cho bà Phan Thị Hồng N trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Thị Hồng T2, sinh ngày 24/12/2008 .

Buộc ông Nguyễn Văn M cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thị Hồng T2, sinh ngày 24/12/2008 mỗi tháng 1.000.000 đồng. Thời gian thực hiện từ tháng 8/2018 đến khi cháu T2 đủ 18 tuổi lao động.

Ông Nguyễn Văn M có quyền đến trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

2/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Hồng N yêu cầu ông Nguyễn Văn M hoàn trả cho bà 100.000.000 đồng tiền công sức tu bổ nhà cửa vườn tược.

Bà Phan Thị Hồng N có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Có, tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

3/ Về án phí HNGĐST: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bà Phan Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bà N đã nộp tạm ứng án phí số tiền là 300.000 đồng theo biên lai số 0012624 ngày 31/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Hoàn lại cho bà Phan Thị Hồng N 2.500.000 đồng án phí tính công sức tu bổ nhà. Bà N đã nộp tạm ứng án phí số tiền là 2.500.000 đồng theo biên lai số 0012625 ngày 31/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Ông Nguyễn Văn N phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

4/ Bà Phan Thị Hồng N và ông Nguyễn Văn M có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND TP M;
- Chi cục THA dân sự TP M;
- Các đương sự;
(Đăng ký kết hôn năm 2000
xã T, C -TG)
- Lưu hồ sơ.

Võ Thị Ngọc Hoa